

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/NĐ/092

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Yên Định
- Địa chỉ:** Tổ dân phố 4, xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước

- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:

Trần Thị Kim Huế - Địa chỉ: Thôn 5 Yên Định, xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình

- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:

Vũ Hữu Thọ- Địa chỉ: Thôn 7 Yên Định, xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình

5. **Lượng mẫu:** 3,5 Lit/mẫu

6. **Ngày lấy mẫu:** 03/6/2026

7. **Người lấy/gửi mẫu:** Trần Thị Thắm

8. **Thời gian thử nghiệm:** 03/6/2026 đến 17/6/2026

9. **Kết quả thử nghiệm:**

9. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
I	Mức độ giám sát A							
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,99	8,00	7,95	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,15	0,42	0,25	Đạt
5	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,73	0,62	0,60	Đạt
6	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,552	0,552	0,736	Đạt
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II	Mức độ giám sát B							
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	1,34	1,28	1,32	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
10	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	11,3	8,46	6,12	Đạt
11	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	134	134	134	Đạt
12	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	20,5	17,9	19,0	Đạt
13	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F.D.2023	0,308	0,447	0,361	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	223	220	226	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 18 tháng 6 năm 2026

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/NĐ/092

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Yên Định
- Địa chỉ:** Tổ dân phố 4, xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Trần Thị Kim Huế - Địa chỉ: Thôn 5 Yên Định, xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Vũ Hữu Thọ - Địa chỉ: Thôn 7 Yên Định, xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình

5. Lượng mẫu: 0,5 Lít/mẫu

6. Ngày lấy mẫu: 03/6/2026

7. Người lấy/gửi mẫu: Trần Thị Thắm

8. Thời gian thử nghiệm: 03/6/2026 đến 05/6/2026

9. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 18 tháng 6 năm 2026

KIỂM NGHIỆM VIÊN

KT. GIÁM ĐỐC



Trần Thị Thắm





**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/NĐ/093



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Hải Toàn
- Địa chỉ:** Xóm 3, xã Hải An, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước

- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:

Phạm Minh Tuấn - Địa chỉ: Xóm 5, xã Hải An, tỉnh Ninh Bình

- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:

Nguyễn Văn Vụ - Địa chỉ: Xóm 10, xã Hải An, tỉnh Ninh Bình

5. Lượng mẫu: 3,5 Lít/mẫu

6. Ngày lấy mẫu: 03/6/2026

7. Người lấy/gửi mẫu: Trần Thị Thắm

8. Thời gian thử nghiệm: 03/6/2026 đến 17/6/2026

9. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
I	Mức độ giám sát A							
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	5,0	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,96	7,98	7,87	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,34	0,19	0,41	Đạt
5	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,45	0,42	0,21	Đạt
6	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,368	1,66	0,552	Đạt
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II	Mức độ giám sát B							
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	1,38	1,37	1,30	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
10	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
11	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	106	106	106	Đạt
12	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	33,6	30,4	29,3	Đạt
13	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	< 0,04	KPH	Đạt
14	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F.D.2023	0,368	0,282	0,302	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	224	222	220	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 18 tháng 6 năm 2026

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/NĐ/093

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Hải Toàn
- Địa chỉ:** Xóm 3, xã Hải An, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Phạm Minh Tuấn - Địa chỉ: Xóm 5, xã Hải An, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Nguyễn Văn Vụ - Địa chỉ: Xóm 10, xã Hải An, tỉnh Ninh Bình

5. **Lượng mẫu:** 0,5 Lít/mẫu

6. **Ngày lấy mẫu:** 03/6/2026

7. **Người lấy/gửi mẫu:** Trần Thị Thắm

8. **Thời gian thử nghiệm:** 03/6/2026 đến 05/6/2026

9. **Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 18 tháng 6 năm 2026

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/Quy: 2026/ND/094



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Liên Bảo
- Địa chỉ:** Thôn Trung Phú, phường Trường Thi, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Vũ Thành Lý - Địa chỉ: Tổ dân phố Trung Thượng Đại Đê, phường Thành Nam, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Phạm Gia Điền - Địa chỉ: Thôn Bái Phạm, xã Hiền Khánh, tỉnh Ninh Bình

5. Lượng mẫu: 3,5 Lít/mẫu

6. Ngày lấy mẫu: 02/6/2026

7. Người lấy/gửi mẫu: Nguyễn Thuý Nga

8. Thời gian thử nghiệm: 02/6/2026 đến 17/6/2026

9. Kết quả thử nghiệm:

9. Kết quả thử nghiệm.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
I	Mức độ giám sát A							
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	< 5,0	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,72	7,62	7,76	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,18	0,22	0,25	Đạt
5	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,72	0,73	0,60	Đạt
6	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,184	0,552	0,368	Đạt
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II	Mức độ giám sát B							
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	0,826	0,907	0,965	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
10	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	8,72	5,23	< 5,0	Đạt
11	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	87,0	93,0	89,0	Đạt
12	Clorua *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	8,05	9,14	7,32	Đạt
13	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F.D.2023	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	93,0	98,0	91,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 18 tháng 6 năm 2026

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/NĐ/094



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Liên Bảo
- Địa chỉ:** Thôn Trung Phu, phường Trường Thi, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Vũ Thành Lý - Địa chỉ: Tổ dân phố Trung Thượng Đại Đê, phường Thành Nam, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Phạm Gia Điền - Địa chỉ: Thôn Bái Phạm, xã Hiền Khánh, tỉnh Ninh Bình

- Lượng mẫu:** 0,5 Lit/mẫu
- Ngày lấy mẫu:** 02/6/2026
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thuý Nga
- Thời gian thử nghiệm:** 02/6/2026 đến 06/6/2026
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 18 tháng 6 năm 2026

KIỂM NGHIỆM VIÊN

Trần Thị Thắm

Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPnuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/Ng: 2026/NĐ/095



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Mỹ Lộc
- Địa chỉ:** Thôn Vòng Quang, phường Đông A, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Trần Huy Hải - Địa chỉ: Tổ dân phố Bườn, phường Đông A, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Trần Đình Tuấn - Địa chỉ: Tổ dân phố La Đồng, phường Mỹ Lộc, tỉnh Ninh Bình

- Lượng mẫu:** 3,5 Lít/mẫu
- Ngày lấy mẫu:** 02/6/2026
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thuý Nga
- Thời gian thử nghiệm:** 02/6/2026 đến 17/6/2026
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
I	Mức độ giám sát A							
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	< 5,0	KPH	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,80	7,75	7,75	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,33	0,39	0,18	Đạt
5	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,94	0,63	0,83	Đạt
6	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,184	0,368	0,368	Đạt
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II	Mức độ giám sát B							
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	0,793	0,780	0,854	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
10	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	7,65	5,09	7,16	Đạt
11	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	89,0	89,0	90,0	Đạt
12	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	10,2	9,14	8,78	Đạt
13	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F.D.2023	< 0,2	< 0,2	0,210	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	95,0	96,0	94,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 18 tháng 6 năm 2026

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/Ng: 2026/NĐ/095



- Tên khách hàng: Nhà máy nước Mỹ Lộc
- Địa chỉ: Thôn Vòng Quang, phường Đông A, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Trần Huy Hải - Địa chỉ: Tổ dân phố Bườn, phường Đông A, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Trần Đình Tuấn - Địa chỉ: Tổ dân phố La Đồng, phường Mỹ Lộc, tỉnh Ninh Bình

- Lượng mẫu: 0,5 Lít/mẫu
- Ngày lấy mẫu: 02/6/2026
- Người lấy/gửi mẫu: Nguyễn Thuý Nga
- Thời gian thử nghiệm: 02/6/2026 đến 06/6/2026
- Kết quả thử nghiệm:

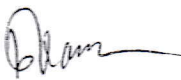
TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 18 tháng 6 năm 2026

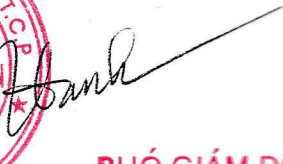
KIỂM NGHIỆM VIÊN

KT. GIÁM ĐỐC



Trần Thị Thắm





PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/NĐ/096

1. **Tên khách hàng:** Chi nhánh cấp nước Ý Yên - Trạm cấp nước Yên Lộc

2. **Địa chỉ:** Thôn Đông Tiền Phong, xã Yên Cường, tỉnh Ninh Bình

3. **Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

4. **Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Hoàng Trọng Hiếu - Địa chỉ: Thôn Nhân Lý, xã Yên Cường, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Tạ Văn Điện - Địa chỉ: Thôn An Ngọc, xã Vạn Thắng, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 3:
Trịnh Thị Lụa - Địa chỉ: Thôn Minh Lương, xã Vạn Thắng, tỉnh Ninh Bình

5. **Lượng mẫu:** 3,5 Lít/mẫu

6. **Ngày lấy mẫu:** 02/6/2025

7. **Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thuý Nga

8. **Thời gian thử nghiệm:** 02/6/2026 đến 17/6/2026

9. **Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả				Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Tại hộ KHSD số 3	
I	Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	15,0	5,0	KPH	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,81	7,89	7,89	8,00	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,10	0,43	0,63	0,22	Đạt
5	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,42	0,47	0,25	0,41	Đạt
6	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,552	0,736	0,552	0,552	Đạt
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
II	Mức độ giám sát B								
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	0,758	0,808	0,881	0,993	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả				Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Tại hộ KHSD số 3	
10	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	11,9	10,2	9,64	9,29	Đạt
11	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	87,0	91,0	88,0	89,0	Đạt
12	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	10,2	8,78	7,68	7,68	Đạt
13	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F.D.2023	< 0,2	< 0,2	< 0,2	0,230	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	98,0	100	97,0	96,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 18 tháng 6 năm 2026

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/NĐ/096

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Yên Lộc
- Địa chỉ:** Thôn Đông Tiền Phong, xã Yên Cường, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Hoàng Trọng Hiếu - Địa chỉ: Thôn Nhân Lý, xã Yên Cường, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Tạ Văn Điện - Địa chỉ: Thôn An Ngọc, xã Vạn Thắng, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 3:
Trịnh Thị Lựa - Địa chỉ: Thôn Minh Lương, xã Vạn Thắng, tỉnh Ninh Bình

5. Lượng mẫu: 0,5 Lít/mẫu

6. Ngày lấy mẫu: 02/6/2026

7. Người lấy/gửi mẫu: Nguyễn Thúy Nga

8. Thời gian thử nghiệm: 02/6/2026 đến 06/6/2026

9. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả				Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Tại hộ KHSD số 3	
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 18 tháng 6 năm 2026

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC




**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
- KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định.
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228.
- Không được trích dẫn một phần nhiều kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/NĐ/097



VILAS 1228

1. **Tên khách hàng:** Chi nhánh cấp nước Ý Yên - Trạm cấp nước Yên Quang

2. **Địa chỉ:** Thôn 3, xã Ý Yên, tỉnh Ninh Bình

3. **Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

4. **Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Đình Công Tiết - Địa chỉ: Thôn Hưng Thịnh, xã Ý Yên, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Bùi Thị Lan - Địa chỉ: Thôn Quyết Tiến 1, xã Ý Yên, tỉnh Ninh Bình

5. **Lượng mẫu:** 3,5 Lit/mẫu

6. **Ngày lấy mẫu:** 02/6/2026

7. **Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thuý Nga

8. **Thời gian thử nghiệm:** 02/6/2026 đến 17/6/2026

9. **Kết quả thử nghiệm:**

Đ. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá*
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
I	Mức độ giám sát A							
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	6,0	6,0	6,0	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,84	7,88	7,85	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,31	0,35	0,58	Đạt
5	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,70	0,22	0,42	Đạt
6	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	1,84	1,84	1,84	Đạt
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	< 0,11	Đạt
II	Mức độ giám sát B							
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	2,68	2,60	2,27	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
10	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	26,6	22,7	26,0	Đạt
11	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	124	124	124	Đạt
12	Clorua *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	38,8	38,0	38,4	Đạt
13	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	< 0,04	Đạt
14	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F.D.2023	0,210	0,223	0,282	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	174	177	175	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 18 tháng 6 năm 2026

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/NĐ/097

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Yên Quang
- Địa chỉ:** Thôn 3, xã Ý Yên, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Đình Công Tiết - Địa chỉ: Thôn Hưng Thịnh, xã Ý Yên, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Bùi Thị Lan - Địa chỉ: Thôn Quyết Tiến 1, xã Ý Yên, tỉnh Ninh Bình

- Lượng mẫu:** 0,5 Lit/mẫu
- Ngày lấy mẫu:** 02/6/2026
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thuý Nga
- Thời gian thử nghiệm:** 02/6/2026 đến 06/6/2026
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 18 tháng 6 năm 2026

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/NĐ/098



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Đại Thắng
- Địa chỉ:** Thôn Phong Vinh, xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Vũ Minh Tuấn - Địa chỉ: Thôn Điện Biên, xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Vũ Khắc Tý - Địa chỉ: Thôn Làng Mới, xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình

- Lượng mẫu:** 3,5 lít/mẫu
- Ngày lấy mẫu:** 02/6/2026
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thuý Nga
- Thời gian thử nghiệm:** 02/6/2026 đến 17/6/2026
- Kết quả thử nghiệm:**

9. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,87	7,94	7,99	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,22	0,24	0,20	Đạt
5	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 CLG:2023	0,78	0,62	0,25	Đạt
6	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,368	0,184	0,368	Đạt
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II Mức độ giám sát B								
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	0,699	0,576	0,634	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
10	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	7,13	< 5,0	7,33	Đạt
11	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	89,0	90,0	90,0	Đạt
12	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	9,88	7,68	8,41	Đạt
13	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F.D.2023	< 0,2	< 0,2	0,203	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	94,0	91,0	93,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 18 tháng 6 năm 2026

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 2026/NĐ/098

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Đại Thắng
- Địa chỉ:** Thôn Phong Vinh, xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Vũ Minh Tuấn - Địa chỉ: Thôn Điện Biên, xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Vũ Khắc Tý - Địa chỉ: Thôn Làng Mới, xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình

- Lượng mẫu:** 0,5 Lít/mẫu
- Ngày lấy mẫu:** 02/6/2026
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thúy Nga
- Thời gian thử nghiệm:** 02/6/2026 đến 06/6/2026
- Kết quả thử nghiệm:**

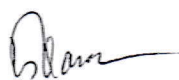
TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Kết quả			Đánh giá
					Tại bể chứa NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 18 tháng 6 năm 2026

KIỂM NGHIỆM VIÊN

KT. GIÁM ĐỐC



Trần Thị Thắm



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.